

Số: 02/2016/KT – AV2 - TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 10/02/2016, từ trang 06 đến trang 44, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Dương Đình Ngọc
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
1699-2015-055-1
Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT
Hà Nội, ngày 26 tháng 2 năm 2016

Vương Trung Dũng
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
2485-2015-055-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2015	01/01/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		342.094.105.084	272.640.844.308
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		10.642.659.198	35.167.850.461
1. Tiền	111	5	10.642.659.198	35.167.850.461
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		116.253.043.985	86.438.747.124
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	82.613.611.594	60.981.857.373
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		33.367.169.960	23.320.362.049
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	2.704.922.104	3.582.582.684
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(2.432.659.673)	(1.446.054.982)
IV. Hàng tồn kho	140		212.949.094.886	150.187.253.037
1. Hàng tồn kho	141	10.1	214.661.624.534	150.187.253.037
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	10.2	(1.712.529.648)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.249.307.015	846.993.686
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.874.885.370	647.091.345
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	374.421.645	199.902.341
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		67.427.528.389	61.367.162.518
II. Tài sản cố định	220		41.393.455.363	38.701.755.974
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	41.393.455.363	38.701.755.974
- Nguyên giá	222		183.416.138.700	173.815.370.036
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(142.022.683.337)	(135.113.614.062)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	1.075.181.818
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	1.075.181.818
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		23.443.525.000	20.449.662.556
1. Đầu tư vào công ty con	251	12.1	22.743.525.000	19.914.862.500
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	12.1	700.000.000	700.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	12.2	-	(165.199.944)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.590.548.026	1.140.562.170
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	2.235.430.481	959.131.378
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14.1	355.117.545	181.430.792
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		409.521.633.473	334.008.006.826

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B01 - DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		261.676.111.418	200.259.342.776
I. Nợ ngắn hạn	310		259.343.311.418	198.647.042.776
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	60.948.634.919	35.191.262.917
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		29.077.040.405	21.703.283.438
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	3.807.029.020	1.894.897.135
4. Phải trả người lao động	314		5.617.321.729	3.637.534.074
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	219.026.848	158.874.832
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	18	735.454.546	526.443.637
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	19.1	2.976.833.019	5.323.006.865
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20.1	155.859.177.500	129.963.746.497
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		102.793.432	247.993.381
II. Nợ dài hạn	330		2.332.800.000	1.612.300.000
7. Phải trả dài hạn khác	337	19.2	2.122.800.000	1.402.300.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20.2	210.000.000	210.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		147.845.522.055	133.748.664.050
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	147.845.522.055	133.748.664.050
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		62.826.020.000	62.826.020.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		62.826.020.000	62.826.020.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		29.335.312.000	29.335.312.000
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		26.774.599.251	23.757.667.106
5. Cổ phiếu quỹ	415		(15.130.000)	(15.130.000)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.713.051.015	6.371.851.865
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		22.211.669.789	11.472.943.079
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		22.211.669.789	11.472.943.079
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		409.521.633.473	334.008.006.826

Người lập biểu

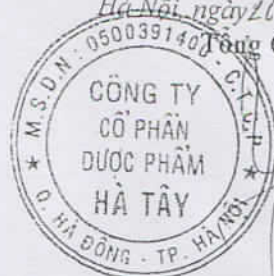
Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2016

Tổng Giám đốc

Hoàng Thành

Hoàng Văn Tuế



Lê Văn Lớ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2015

Mẫu số B02 - DN

Đơn vị tính: VND

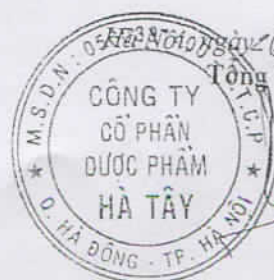
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	929.974.647.319	777.551.391.554
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	28.804.097.546	3.121.550.111
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	23	901.170.549.773	774.429.841.443
4. Giá vốn hàng bán	11	24	764.048.616.630	660.760.289.181
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		137.121.933.143	113.669.552.262
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	7.580.727.922	8.250.617.934
7. Chi phí tài chính	22	26	8.638.791.462	9.024.397.562
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		8.068.335.574	8.350.323.934
8. Chi phí bán hàng	25	27	55.292.822.560	49.059.596.665
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	40.769.066.560	36.225.255.136
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		40.001.980.483	27.610.920.833
11. Thu nhập khác	31	28	3.893.897.527	1.938.689.521
12. Chi phí khác	32	29	22.375.802	307.997
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		3.871.521.725	1.938.381.524
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		43.873.502.208	29.549.302.357
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	9.286.563.172	5.708.834.070
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	32	(173.686.753)	(181.430.792)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		34.760.625.789	24.021.899.079

Người lập biểu

Hoàng Thành

Kế toán trưởng

Hoàng Văn Tuế



Ngày 06 tháng 02 năm 2016
Tổng Giám đốc

Lê Văn Lớ